

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## DỰ THẢO

## TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi**

(Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản pháp luật, thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các giải pháp cấp bách, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong đó giao: “Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo cấp thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí để thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; rà soát điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến hỗ trợ kinh phí phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn (trong đó có Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)”, Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 10/10/2020 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2020, Công văn số 10555/VPCP-KTTH ngày 16/12/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh Chương trình công tác năm 2020 của Chính phủ và Công văn số 4788/VPCP-KTTH ngày 16/7/2021 của Văn phòng Chính phủ về điều chỉnh thời gian trình dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi (Tờ trình số 197/TTr-BTC ngày 29/10/2021 và số 63/TTr-BTC ngày 30/3/2022).

Tuy nhiên, hiện nay, Luật giá số 16/2023/QH15 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/7/2024; trong đó các quy định về thẩm quyền định giá, trình tự định giá, ban hành giá, phương pháp định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đã được sửa đổi so với quy định trước đây. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9191/VPCP-KTTH ngày 23/11/2023 của Văn phòng Chính phủ: “Bộ Tài chính thực hiện việc xây dựng, trình Chính phủ Nghị định quy định về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm phù hợp, đồng bộ với

*quy định của pháp luật về giá và pháp luật về thủy lợi, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả của các quy định pháp luật có liên quan khi Luật Giá số 16/2023/QH15 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; chịu trách nhiệm toàn diện đối với nội dung báo cáo, đề xuất về sự cần thiết xây dựng, trình lại dự thảo Nghị định và về tiến độ soạn thảo, chất lượng dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo quy định của pháp luật”.*

Do đó, Bộ Tài chính đã xây dựng, hoàn thiện lại dự thảo Nghị định để đồng bộ với Luật Giá mới và trình Chính phủ xem xét, ban hành với các nội dung chủ yếu như sau:

## **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

1. Về thẩm quyền định giá, tại Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ quy định (kèm Tờ trình số 63/TTr-BTC ngày 30/3/2022): (i) Bộ Tài chính định giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý trên cơ sở giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do Bộ Tài chính ban hành.

Tuy nhiên, tại Luật Giá số 16/2023/QH15 quy định:

*"2. Thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước được quy định như sau:*

*a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo phương thức đặt hàng:*

*Bộ Tài chính định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên cơ sở giá tối đa do Bộ Tài chính ban hành;*

*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý.*

*b) Đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác:*

*Bộ Tài chính định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên cơ sở khung giá do Bộ Tài chính ban hành;*

*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý”.*

Căn cứ quy định nêu trên, Bộ Tài chính chỉ định giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn, không định giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo thẩm quyền.

Vì vậy, thẩm quyền định giá của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Dự thảo Nghị định cần được sửa đổi lại cho phù hợp với quy định tại Luật Giá 2023.

## 2. Về trình tự định giá, tại Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ quy định:

Các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi ở Trung ương lập phương án giá gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định. Các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi ở địa phương lập phương án giá gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án giá theo thẩm quyền sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp để ban hành Quyết định giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Giá năm 2023, thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đã được sửa đổi nên các quy định về trình tự định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tại Dự thảo Nghị định cũng cần được sửa đổi cho phù hợp vì quy định này gắn với thẩm quyền của các cấp, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan. Theo quy định mới về thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của địa phương, do đó về trình tự định giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không phải gửi phương án giá cho Bộ Tài chính để ban hành giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi như đang quy định tại Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 63/TTr-BTC.

3. Về phương pháp định giá, so với Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, tại Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ bổ sung phương pháp so sánh, cách xác định giá tối đa, khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và một số khoản chi phí để phù hợp với quy định và thực tiễn ngành thủy lợi,... Trong khi đó, tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Luật Giá số 16/2023/QH15 quy định phương pháp định giá như sau:

### **"Điều 23. Phương pháp định giá**

1. Phương pháp định giá là cách thức để xác định giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo các hình thức định giá quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trường hợp khi áp dụng phương pháp định giá chung có nội dung đặc thù cần hướng dẫn, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất nội dung cụ thể cần

*hướng dẫn gửi Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn thực hiện".*

Do đó, căn cứ quy định trên, Dự thảo Nghị định cần rà soát để hoàn thiện bổ sung phù hợp quy định tại Luật Giá.

Từ những nội dung trên, việc rà soát để sửa đổi các nội dung liên quan đến thẩm quyền, trình tự, phương pháp định giá và việc ban hành giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo Luật Giá số 16/2023/QH15 là cần thiết và có căn cứ pháp lý bảo đảm đồng bộ với các quy định của pháp luật về giá và pháp luật về thủy lợi.

## **II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục tiêu xây dựng dự thảo Nghị định**

- Việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP nhằm sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, tạo cơ sở hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, tăng tính chủ động trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp phù hợp với tình hình phát triển mới và quy định mới về định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tại Luật Giá 2023.

- Bảo đảm tính ổn định, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, tăng cường phân công, phân cấp công việc phù hợp với thực tế phát sinh và các quy định tại Luật Giá 2023, Luật Thủy lợi, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và pháp luật hiện hành khác có liên quan.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong thực hiện..

### **2. Nguyên tắc, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định:**

- Tiếp tục duy trì, kế thừa những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan còn phát huy hiệu quả phù hợp với thực tiễn của công tác quản lý giá ở nước ta;

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh các nội dung mà Nghị định số 96/2018/NĐ-CP chưa phù hợp, chưa thống nhất trong áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật vào thực tế; nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trên cơ sở rà soát, đánh giá thực tiễn phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện;

- Bảo đảm tuân thủ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Thủy lợi, Luật Giá 2023 và đồng bộ pháp luật hiện hành khác có liên quan (Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các văn bản pháp luật khác).

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản pháp luật, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi (Tờ trình số 197/TTr-BTC ngày 29/10/2021 và số 63/TTr-BTC ngày 30/3/2022).

Tuy nhiên, ngày 19/6/2023, Luật Giá số 16/2023/QH15 đã được Quốc hội thông qua (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024), trong đó một số quy định về thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, trình tự định giá và phương pháp định giá đã được sửa đổi, bổ sung so với Luật Giá 2012, Luật Thủy lợi. Đồng thời, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 9191/VPCP-KTTH ngày 23/11/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị Bộ Tài chính thực hiện việc xây dựng, trình Chính phủ quy định về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm phù hợp, đồng bộ với quy định của pháp luật về giá và pháp luật về thủy lợi, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả của các quy định pháp luật có liên quan khi Luật Giá số 16/2023/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, Bộ Tài chính đã triển khai thực hiện các công việc để xây dựng dự thảo Nghị định nêu trên theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo dự thảo Nghị định.
2. Tiến hành nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đồng thời phối hợp tích cực với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng hoàn thiện lại khung dự thảo Nghị định và xây dựng các nội dung chi tiết của các chương, điều, khoản, điểm của dự thảo Nghị định.
3. Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để xin ý kiến nhằm hoàn thiện các nội dung chính của dự thảo. Các ý kiến tham gia góp ý đã được nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện dự thảo Nghị định.
4. Tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị định. Đồng thời, toàn văn nội dung dự thảo Nghị định cũng được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<http://www.chinhphu.vn>) và của Bộ Tài chính (<http://www.mof.gov.vn>) để xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
5. Tổng hợp các ý kiến tham gia, xây dựng tài liệu tiếp thu và giải trình ý kiến tham gia; Xây dựng, hoàn chỉnh các báo cáo đánh giá tác động, đánh giá thủ tục hành chính của dự thảo Nghị định.
6. Xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Văn bản số /BTC-QLG ngày .
7. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm

định số /BC-BTP ngày của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hoàn thiện dự thảo trình Chính phủ.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định gồm 05 chương và 34 Điều, cụ thể như sau: Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 2); Chương II: Cách xác định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (từ Điều 3 đến Điều 16); Chương III: Hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (từ Điều 17 đến Điều 24); Chương IV: Hỗ trợ kinh phí phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng (từ Điều 25 đến Điều 29); Chương V: Tổ chức thực hiện (từ Điều 30 đến Điều 34).

### **2. Nội dung về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

Sửa đổi nội dung về thẩm quyền, quy trình, phương pháp định giá cho phù hợp với quy định của Luật Giá mới tại các Điều từ Điều 3 đến Điều 16 Dự thảo Nghị định như sau:

#### **2.1. Điều 3. Đơn vị tính giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**

Tại Điều này, bổ sung nội dung quy đổi diện tích, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trong trường hợp đặt hàng

#### **2.2. Điều 5 về định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

Tại Điều này, quy định các điều kiện đơn vị được đặt hàng sản phẩm công ích thủy lợi. Quy định việc định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên cơ sở căn cứ, nguyên tắc định giá tại Luật Giá mới, Luật Thủy lợi và theo phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

*Ngoài ra, quy định rõ "Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, việc định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình sử dụng vốn nhà nước thực hiện trong trường hợp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo phương thức đặt hàng. Trường hợp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo phương thức giao nhiệm vụ, đấu thầu, thực hiện theo pháp luật về đấu thầu và hướng dẫn về giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản pháp luật khác có liên quan".*

Đồng thời quy định việc xác định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với diện tích phải thu tiền và trường hợp phát sinh sản phẩm, dịch vụ khác không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi quy định tại Luật Thủy lợi và không do Nhà nước định giá.

**2.3. Sửa đổi, bổ sung quy định nguyên tắc xác định giá, giá thành toàn bộ cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tại Điều 6.**

**2.4.** Quy định cách xác định các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, lợi nhuận dự kiến (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9, cách xác định giá tối đa, khung giá, giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên cơ sở các yếu tố hình thành giá tại Điều 10 theo quy định tại phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá và có tính đến yếu tố riêng của ngành thủy lợi.

**2.5** Quy định về việc cách thu thập, phân tích thông tin về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tại Điều 11, Điều 12, cách xác định giá tối đa, khung giá, giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thông tin thị trường tại Điều 13 theo quy định về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

**2.6** Sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ phương án giá, trình tự ban hành văn bản định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và điều chỉnh giá Điều 14, Điều 15 và Điều 16 theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

### **3. Nội dung về chính sách của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi**

Về cơ bản vẫn giữ nguyên như Dự thảo đã lấy ý kiến Thành viên Chính phủ và điều chỉnh lại một số nội dung:

**3.1.** Đề nghị bỏ 1 đoạn tại điểm a khoản 1 Điều 18 Dự thảo Nghị định: “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết về điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định tại Điều 33 Luật Thủy lợi*”. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đã được quy định tại Điều 16 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/05/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi và Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT.

**3.2.** Đề nghị bỏ khoản 1 Điều 22 Dự thảo Nghị định (do nội dung này đã được nêu tại điểm d khoản 2 Điều 21): “*1. Thẩm quyền quyết định khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:*

*a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công việc, diện tích, khối lượng nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các tổ chức khai thác công trình thủy lợi trung ương;*

*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khối lượng công việc, diện tích, khối lượng nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi địa phương”.*

**3.3.** Theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 3 và điểm b, khoản 12 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi

thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022: “*Hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi bằng 102% mức bình quân năm của kết quả thực hiện chi giai đoạn 2017 - 2020 và dự toán chi năm 2021 của ngân sách địa phương*”. Giai đoạn 2023-2025, là thời kỳ ổn định ngân sách theo Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023.

Do đó, đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 20. Phương thức hỗ trợ và nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước theo hướng: “*Căn cứ khả năng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương một phần kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước; phần còn lại do ngân sách địa phương tự đảm bảo*”. Đồng thời, sửa đổi các nội dung có liên quan tại Điều 21, Điều 22, Điều 24 Dự thảo Nghị định.

**3.4.** Liên quan đến các nội dung tại khoản 4 Điều 22 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP (Thanh toán, cấp kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi): Hiện Dự thảo đang quy định việc cấp kinh phí theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đều thực hiện theo cách thức, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước. Trong khi, tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP chưa hướng dẫn việc kiểm soát, thanh toán đối với kinh phí giao nhiệm vụ sản phẩm, dịch vụ công ích cho doanh nghiệp công ích, vì vậy, tại nội dung Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo phương thức giao nhiệm vụ.

**3.5.** Bổ sung thêm khoản 3 Điều 31 về nội dung thành phần báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

**3.6.** Bổ sung thêm nội dung tại Điều 33 về điều khoản chuyên tiếp: “*Việc thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi*”.

#### **4. Về thủ tục hành chính**

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 không phát sinh thủ tục hành chính mới. Cụ thể:

*a) Đối với nội dung về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:*

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, sau khi rà soát Luật giá và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2008/QĐ-BTC ngày 20/9/2016 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, trong đó có 01 thủ tục



hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh là quyết định giá thuộc thẩm quyền cấp tỉnh.

Theo quy định tại Luật Giá 16/2023/QH15 thì sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc đối tượng hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong đó, Bộ Tài chính có thẩm quyền định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý. UBND cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý.

Triển khai Luật Thủy lợi và thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Về cơ bản, quy trình ban hành giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tương tự như đối với hàng hóa, dịch vụ khác (như sản phẩm dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ) thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn.

Tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 thì quy định thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thay đổi theo quy định tại pháp luật về giá mới, cụ thể: tại Trung ương, Bộ Tài chính tiếp nhận văn bản đề nghị từ Bộ NNPTNT và tại địa phương tiếp nhận văn bản trên cơ sở đề nghị của các cơ sở sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Trong khi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định thủ tục phát sinh giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định này. Đồng thời, theo Bộ Tài chính đây là quy trình các bước để làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền ban hành mức giá theo quy định không phải trình tự, cách thức để thực hiện một dịch vụ công làm phát sinh thủ tục hành chính. Vì vậy, tại nội dung Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 không phát sinh thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực giá.

*b) Đối với nội dung về hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi*

- Về các nội dung hồ sơ: Dự thảo Nghị định thay thế đã kế thừa Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP không phát sinh thêm thủ tục hành chính. Các nội dung về Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, công văn đã được quy định tại Luật Thủy lợi (Điều 32, Điều 55) và Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, các thành phần hồ sơ được lập bởi cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị khai thác công trình thủy lợi là công việc quản lý thường xuyên hiện nay, tính trong chi phí quản lý hành chính và không phát sinh chi phí, lệ phí, phí khác.

- Đối với Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đặt hàng (quý/năm) và Báo cáo tình hình: Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể thời điểm 6 tháng và kết thúc năm, các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải lập báo cáo gửi Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính (địa phương), Bộ NN&PTNT, BTC (trung ương) và các nội dung cụ thể của các báo cáo này đã được quy định tại Thông tư số 73/2018/TT-BTC (Điều 14, Điều 15).

- Bộ Tài chính bổ sung một số nội dung làm rõ hơn các thành phần của báo cáo để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP như về phương thức gửi nhận báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo, mẫu đề cương báo cáo.

Do đó, tại Dự thảo Nghị định không phát sinh các thủ tục hành chính mới cần phải báo cáo theo quy định.

## V. MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN

### 1. Về hệ số quy đổi sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để xác định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trong trường hợp đặt hàng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị bổ sung hệ số quy đổi tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, nguyên nhân do: Công tác cấp nước, tưới tiêu có nhiều loại hình, biện pháp, loại cây trồng rất khác nhau: Cùng 1 vụ sản xuất có thể sử dụng nhiều hình thức, biện pháp tưới khác nhau cho nhiều loại diện tích cây trồng khác nhau theo nhu cầu sử dụng nước. Không thể xác định chi phí cụ thể, tách riêng cho từng loại hình, từng biện pháp, từng loại cây trồng.

Do vậy, để xác định được giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì cần phải quy đổi về 1 loại hình, biện pháp và cây trồng cụ thể để tính toán chi phí hình thành giá. Hệ số quy đổi tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi gồm: (i) Quy đổi theo hình thức tưới tiêu, (ii) quy đổi theo biện pháp tưới tiêu và (iii) quy đổi theo loại cây trồng, cụ thể:

TT	Nội dung	Hệ số quy đổi	Ghi chú
1.	Quy đổi về hình thức tưới tiêu bằng động lực		
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	0,7	70% tưới tiêu bằng động lực
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	0,85	85% tưới tiêu bằng động lực
2.	Quy đổi về biện pháp tưới tiêu chủ động		
-	Tưới tiêu chủ động một phần	0,6	60% tưới tiêu chủ động
-	Tạo nguồn tưới tiêu bằng động lực	0,5	50% tưới tiêu chủ động bằng động lực

TT	Nội dung	Hệ số quy đổi	Ghi chú
-	Tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực	0,4	40% tưới tiêu chủ động bằng trọng lực
-	Lợi dụng thủy triều để tưới tiêu	0,7	70% tưới tiêu chủ động bằng trọng lực
3.	Quy đổi về tưới tiêu cho lúa		
-	Tưới tiêu mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông	0,4	40% tưới tiêu cho lúa
-	Tưới tiêu cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu 1 năm	0,80	80% tưới tiêu cho lúa 1 vụ. Đối với thanh long bằng 80% tưới tiêu cho lúa 3 vụ.
-	Cấp nước cho diện tích nuôi trồng thủy sản	2,0 ÷ 3,0	200 ÷ 300% diện tích lúa
-	Cấp nước cho diện tích sản xuất muối	0,5	200 ÷ 300% diện tích lúa

**Về việc này, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ như sau:**

- Tại bảng hệ số quy đổi đề xuất 03 nhóm hệ số quy đổi gồm (i) Quy đổi theo hình thức tưới tiêu, (ii) quy đổi theo biện pháp tưới tiêu và (iii) quy đổi về tưới tiêu cho lúa. Đối với nhóm hệ số quy đổi theo hình thức tưới tiêu và theo biện pháp tưới tiêu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa đưa ra được cơ sở để xác định các hệ số này. Đối với nhóm hệ số quy đổi về tưới tiêu cho lúa (theo diện tích), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đưa ra được cơ sở xác định nhưng chưa đầy đủ và thống nhất.

- Việc kế thừa hệ số quy đổi từ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là chưa phù hợp vì hệ số quy đổi tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP là quy đổi theo mức phí (bằng tiền) nên dùng hệ số này để nội suy chuyển sang hệ số quy đổi có tính kỹ thuật (biện pháp tưới tiêu, hình thức tưới tiêu, diện tích) là chưa phù hợp, bảo đảm tính đồng nhất về đơn vị tính cũng như cơ sở khoa học.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu không thể xác định chi phí cụ thể, tách riêng cho từng loại hình, từng biện pháp, từng loại cây trồng nên cần phải quy đổi về 01 loại hình sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để xác định chi

phí. Tuy nhiên, theo phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, trường hợp không thể xác định chi phí cụ thể, tách riêng cho từng loại hình, biện pháp, sử dụng phân bổ chi phí theo tiêu thức phù hợp để xác định chi phí cho từng loại hình, biện pháp. Do đó, việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho rằng cần phải quy đổi diện tích để xác định chi phí chi tiết, cụ thể cho từng loại hình, biện pháp là chưa thực sự phù hợp.

- Việc quy đổi diện tích, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi về 1 loại hình sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để xác định các khoản mục chi phí và xây dựng phương án giá cho 01 sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi khi triển khai thực hiện sẽ gặp khó khăn vướng mắc trong việc thanh quyết toán hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi vì thực hiện nghiệm thu theo diện tích, khối lượng, biện pháp tưới tiêu và quyết toán đối với từng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cụ thể.

- Theo quy định tại Điều 30 Luật Thủy lợi, sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi gồm hình thức tưới riêng, tiêu riêng (tưới, tiêu là 02 hoạt động riêng lẻ). Và thực tế hiện nay, có công trình thủy lợi chỉ thực hiện nhiệm vụ tưới hoặc có công trình chỉ thực hiện nhiệm vụ tiêu hoặc có công trình thực hiện cả nhiệm vụ tưới, tiêu kết hợp. Trong khi, tại bảng hệ số quy đổi đang đề xuất chỉ quy định hệ số quy đổi đối tưới tiêu. Do đó, việc đề xuất quy định hệ số quy đổi này là chưa thực sự đầy đủ và phù hợp với thực tiễn cũng như quy định tại Luật Thủy lợi.

- Về nội dung này, trước đây trong quá trình xin ý kiến rộng rãi các đơn vị, Bộ Tài chính đã nhận được gần 20 ý kiến góp ý của các đơn vị khai thác công trình thủy lợi, sở ngành. Trong đó, một số địa phương có ý kiến mức quy đổi không hợp lý, đề nghị xem xét không quy định hệ số quy đổi để xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi mà đề nghị địa phương căn cứ điều kiện thực tế các công trình trên địa bàn quản lý để quy định cho phù hợp với các công trình thủy lợi trên địa bàn có tính chất phục vụ tưới, tiêu kết hợp, biện pháp tưới tiêu bằng động lực cho lúa (trạm bơm điện) có mức tiêu nhiều hơn mức tưới. Bên cạnh đó, tại Luật Giá 2023 thì thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đã có sự phân cấp so với quy định tại Luật Thủy lợi. Theo đó, Bộ Tài chính chỉ quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN&PTNT. UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của địa phương (theo Luật Thủy lợi, Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của cả Bộ NN&PTNT và địa phương).

Từ nội dung nêu trên, Bộ Tài chính trước mắt đưa nội dung hệ số quy đổi vào dự thảo Nghị định để xin ý kiến rộng rãi các đơn vị. Đồng thời, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung thêm các căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học để thuyết minh cho việc đề xuất các hệ số quy đổi này.

## **2. Về điều kiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Dự thảo Nghị định**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến:

Hiện nay, điều kiện đặt hàng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên. Theo Phụ lục II, đối với công trình thủy lợi vừa và công trình thủy lợi nhỏ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng. Tuy nhiên, có nhiều loại hình công trình thủy lợi vừa và nhỏ và trong một công trình hoặc hệ thống công trình có sự đan xen lẫn nhau về biện pháp công trình hay hình thức tưới, tiêu đa dạng (tưới, tiêu, tưới tiêu kết hợp), có sự kết nối các hệ thống *không đáp ứng điều kiện đặt hàng* quy định tại Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Đồng thời, các hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ này nằm trên các địa bàn khác nhau do các đơn vị khai thác công trình thủy lợi khác nhau quản lý nên không thể thực hiện theo phương thức đấu thầu.

Vì vậy, đề nghị bổ sung **quy định về điều kiện đặt hàng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi** vào dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau:

*“Đơn vị, tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, thành phố có hệ thống kênh tưới, tiêu, tưới tiêu kết hợp, thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt, có sự kết nối hệ thống, cung cấp kịp thời sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh, huyện, xã để phục vụ sản xuất nông nghiệp và khắc phục, phòng chống thiên tai, thuận tiện cho người sử dụng dịch vụ tưới, tiêu nước; có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực được đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu của việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo hợp đồng đặt hàng. Ngoài ra đối với cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là nhà cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành”.*

**Về việc này, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ như sau:**

(i) Theo phân công của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng các văn bản QPPL triển khai Luật Thủy lợi, Bộ Tài chính được giao chủ trì trình Chính phủ quy định các nội dung về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Luật Thủy lợi và đối tượng, phạm vi, mức, phương thức hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 Luật Thủy lợi. Căn cứ quy định trên, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 với phạm vi điều chỉnh của Nghị

định quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và đối tượng, phạm vi, phương thức và mức hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không bao gồm các quy định về cơ chế đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Đồng thời, Luật Thủy lợi không giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung về cơ chế đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Vì vậy, việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất bổ sung quy định về điều kiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP là chưa phù hợp với Luật Thủy lợi và đang mở rộng về phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Nghị định.

(ii) Hiện nay, các nội dung quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích (bao gồm sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi) sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đang được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 7 và Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, trường hợp đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi có tính chất đặc thù thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết, bổ sung thêm các nội dung về đặt hàng cho phù hợp với yêu cầu quản lý hoặc trình Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này (theo đúng thẩm quyền).

Từ những nội dung nêu trên, để giải quyết khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Bộ Tài chính trước mắt đưa nội dung quy định về điều kiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Dự thảo Nghị định để xin ý kiến rộng rãi các đơn vị. Trong quá trình xin ý kiến rộng rãi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần có đánh giá để đảm bảo đủ căn cứ pháp lý để đưa nội dung này vào dự thảo Nghị định.

### **3. Về việc thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị: Theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, khi Bộ Tài chính ban hành giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thì mới ký hợp đồng đặt hàng và các đơn vị mới đủ cơ sở triển khai thực hiện. Do yêu cầu đối với công tác thủy lợi, nhiệm vụ cấp nước, tưới, tiêu... phải được thực hiện liên tục, ngay từ đầu năm, phục vụ sản xuất, sinh hoạt... trong khi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa kịp ban hành mức giá tối đa, mức giá cụ thể để ký hợp đồng đặt hàng ngay từ đầu năm thì không có cơ sở để ký hợp đồng đặt hàng đối với các đơn vị, tổ chức khai thác công trình thủy lợi. Khi đó, nếu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu các tổ chức, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi phải thực hiện nhiệm vụ cấp nước, tưới, tiêu... khi chưa được ký hợp đồng đặt hàng sẽ không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Vì vậy, để khắc phục vướng mắc nêu trên và đảm bảo cơ sở

pháp lý cho các đơn vị triển khai thực hiện, phù hợp với thực tế của sản phẩm dịch vụ thủy lợi để khi ban hành Nghị định này có thể triển khai được ngay (khi Nghị định số 32/2019/NĐ-CP chưa được sửa đổi, bổ sung) đề nghị bổ sung nội dung này.

Đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác, theo quy định tại Luật Giá, sau khi Bộ Tài chính quy định khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác cho năm thực hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định giá cụ thể cho năm thực hiện mới đủ cơ sở thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể cho năm thực hiện mới đủ cơ sở thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác. Do đó, trường hợp Bộ Tài chính chưa quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác năm thực hiện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quy định giá cụ thể năm thực hiện thì không có cơ sở để thu tiền của người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, dẫn tới làm thất thu ngân sách nhà nước. Vì vậy, để phù hợp với tình hình thực tế thực hiện và tránh thất thu cho ngân sách nhà nước, bảo đảm cơ sở pháp lý cho các đơn vị triển khai thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác ngay từ đầu năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị bổ sung nội dung này để khắc phục tồn tại của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính bổ sung nội dung này tại Khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định.

#### **4. Về nội dung đề xuất quy định xây dựng phương án giá của các tổ chức thủy lợi cơ sở**

Theo ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện cả nước có khoảng 15.340 tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng với tổng số cán bộ khoảng 85.000 người. Việc quản lý các tổ chức thủy lợi cơ sở dưới nhiều loại hình: Hợp tác xã, tổ hợp tác, UBND Xã trực tiếp quản lý. Trong đó, chỉ có Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, Tổ hợp tác không có tư cách pháp nhân, ban/tổ thủy nông thực hiện thông qua UBND xã. Năng lực, trình độ học vấn cán bộ nhìn chung rất thấp, đa phần chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về thủy lợi. Do vậy, việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là không khả thi.

Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu bổ sung một điều/ khoản quy định về định giá của tổ chức thủy lợi cơ sở theo hướng: Căn cứ Điều 9 Luật giá 2023, tổ chức thủy lợi cơ sở gửi số liệu, tài liệu liên quan về các khoản mục chi phí tới cơ quan chức năng của địa phương (Sở Tài chính). Cơ quan chức năng của địa phương căn cứ dự toán ngân sách giao cho tổ chức thủy lợi cơ sở để đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá cụ thể của tổ chức thủy lợi cơ sở.

#### **Về nội dung này, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ như sau:**

Theo quy định hiện nay, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong phạm vi công trình được giao quản lý và giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được tính từ công

trình thủy lợi đầu mối đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, không bao gồm phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến mặt ruộng (thủy lợi nội đồng). Do đó, tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình thủy lợi nội đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ (đây là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Nghị định và theo quy định phải lập phương án giá), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa có số liệu thống kê về đối tượng này. Bên cạnh đó, tại Thông tư số 27/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi quy định tổ chức thủy lợi cơ sở xây dựng và thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản lý, khai thác công trình thủy lợi và tại Thông tư số 83/2015/TT-BTC ngày 28/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã quy định việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và thuế. Như vậy, với quy định này thì tổ chức thủy lợi cơ sở vẫn có khả năng xây dựng được phương án giá.

Vì vậy, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính trước mắt đưa nội dung quy định xây dựng giá của tổ chức thủy lợi cơ sở tại Dự thảo Nghị định để xin ý kiến rộng rãi các đơn vị. Đồng thời, đề nghị Bộ NN&PTNT tiếp tục đánh giá cụ thể, chi tiết hơn về số lượng, năng lực của các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ hiện nay làm cơ sở đánh giá tính khả thi việc xây dựng phương án giá của các đơn vị cũng như báo cáo đánh giá tác động đối với nội dung này tại hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

## **VI. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

....

## **VII. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

....

Trên đây là nội dung Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLG.

**BỘ TRƯỞNG**

**Hồ Đức Phúc**



